TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hanh phúc**

Bản án số: **240**/2025/DS - ST
Ngày: 27/6/2025
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồmcó:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hoàng Nam**
Ông **Hà Bửu Khánh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thuý**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2025/QĐXX-ST, ngày 02 Tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 127/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Ông **Danh N**, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.
(Ông N có mặt)

Bị đơn**:** Ông **Danh Hoàng V,** sinh năm 1995
Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
(Ông V vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2025 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh N trình bày: Ông và ông Danh Hoàng V cùng đi biển chung nên vào tháng 02 năm 2020 ông V có vay của ông số tiền là 5.000.000đ nhưng ông không có tiền, thấy chổ anh em với nhau nên ông đã đi hỏi vay người khác số tiền là 5.000.000đ để về đưa lại cho ông V vay với lãi suất là 3%/tháng bằng lãi suất mà ông đã đi vay chổ khác, khi vay tiền ông V có

hứa là đi ghe biển sẽ ứng tiền công trả lại cho ông, hai bên thoả thuận bằng miệng mà không có làm biên nhận.

Ngoài ra, vào tháng 5 năm 2020 ông V có nhờ ông giới thiệu đi ghe biển kiếm tiền trả cho ông thì ông cũng đồng ý và giới thiệu cho ông V cùng đi ghe biển với ông đồng thời ông V không có tiền mua đồ đem theo để đi ghe biển nên ông V có hỏi mượn tiền ông nhiều lần với tổng số tiền là 6.300.000đ và ông V hứa sẽ ứng tiền ghe trả lại.

Như vậy, tổng số tiền ông V đã vay và mượn của ông là 11.300.000đ, sau đó ông có gặp ông V nhiều lần để yêu cầu trả tiền thì ông V trả cho ông được 3.000.000đ vào năm 2022 còn lại 8.300.000đ thì ngưng thanh toán cho đến nay.

Sau đó ông có gửi đơn đến chính quyền địa phương giải quyết nhưng chỉ có mẹ ông V là bà Thị H tham gia và bà H xin cho ông V trả dần mỗi tháng là 517.000đ thì ông cũng đồng ý nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Ông N xác nhận đối với số tiền nợ 8.300.000đ là nợ cá nhân của ông V nên ông V phải tự chịu trách nhiệm thanh toán còn bà Thị H mẹ ông V không có vay tiền của ông nên ông không có yêu cầu và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên toà, ông Danh N yêu cầu Toà án buộc ông Danh Hoàng V thanh toán cho ông số tiền còn nợ lại gồm: tiền vay là 5.000.000đ và tiền mượn 3.300.000đ, tổng cộng là 8.300.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Danh Hoàng V: Trong quá trình giải quyết vụ án ông V đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V đều không có mặt.

Tại phiên tòa ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông V vắng mặt lần 2 không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Danh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ông Danh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh Hoàng V trả cho ông số tiền nợ vay gốc 5.000.000đ và tiền mượn 3.300.000đ, tổng

cộng là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm ngàn đồng). Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn ông V có nơi cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông Danh N với ông Danh Hoàng V là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Danh Hoàng V tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông V vẫn tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông N yêu cầu buộc ông V có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền vay gốc là 5.000.000đ và tiền mượn là 3.300.000đ, tổng cộng là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, ông N có cung cấp cho Tòa án 02 biên bản hoà giải ngày 20/6/2024 của Tổ hoà giải ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo nội dung biên bản thể hiện việc ông V có nợ tiền ông N là có thật đồng thời tại phiên hoà giải cơ sở mẹ của ông V là bà Thị H có thừa nhận ông V còn nợ ông N số tiền là 9.300.000đ và xin trả cho ông V trả dần mỗi tháng là 517.000đ cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên đến nay ông V vẫn chưa thanh toán và vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án cũng được bà Thị H xác nhận là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông V đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng liên quan đến vụ kiện nhưng ông V không có văn bản ý kiến và không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện ông V không có thiện chí để giải quyết đồng thời từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình và tại phiên tòa hôm nay mặc dù ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, mặc khác bà Thị H là mẹ ông V cũng đã xác nhận việc ông V nợ tiền ông N số tiền 8.300.000đ là thật nhưng do ông V hiện nay làm ăn khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho ông N như đã thỏa thuận.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông N khởi kiện yêu cầu buộc ông V có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền vay gốc là 5.000.000đ và tiền mượn là 3.300.000đ, tổng cộng là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm ngàn đồng) có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trường hợp ông V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh N đối với ông Danh Hoàng V.

1. Buộc ông Danh Hoàng V có trách nhiệm thanh toán cho ông Danh N số tiền vay gốc là 5.000.000đ và tiền mượn là 3.300.000đ, tổng cộng là 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm ngàn đồng), ông N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Danh Hoàng V phải chịu án phí với số tiền là 415.000đ (Bốn trăm mười lăm ngàn đồng). Nguyên đơn ông Danh N không phải chịu án phí, ông N được nhận lại số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009132 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Giồng Riềng;*
- *Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;*
- *Ccác đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

(Đã ký)

Lữ Cẩm Nhung